

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỊNH QUÁN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 02 - 2022.
V/v: “Ly hôn, tranh chấp chia
tài sản khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN, TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Văn Lợi**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Quang Thuần**.

2. Bà **Trần Thúy Nga**.

Thư ký phiên tòa: Ông **Phan Nguyễn Thành Trung** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán tham gia phiên tòa: Ông **Hoàng Văn Thành** – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 110/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp chia tài sản khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu T – sinh năm: 1966. (có mặt)

Địa chỉ: 40/3 Tổ 8, ấp 1, xã LN, huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Bà Trần Thị Anh Th – sinh năm: 1979. (có mặt)

Địa chỉ: 40/3 Tổ 8, ấp 1, xã LN, huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Trần Thị Anh Th tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1998 và đến ngày 06/4/2011 được Ủy ban nhân dân xã LN cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến cách đây gần 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Do đó trong cuộc sống chung hay xảy ra cãi vã, căng thẳng, xô xát với nhau. Từ năm 2019 đến nay, ông và bà Th ly thân nhau. Năm 2020, bà Th đã khởi kiện ly hôn với ông T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Định Quán giải quyết. Tuy nhiên, sau đó bà Th rút đơn

khởi kiện và Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án. Nay tình cảm không còn nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Trần Thị Anh Th.

Về con chung: Ông và bà Th có 01 con chung Nguyễn Trần Bảo U – sinh ngày: 02/12/1999.

Hiện nay, con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên ông không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết vấn đề nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông và bà Th có các tài sản chung sau: Toàn bộ tài sản gồm công trình xây dựng, cây trồng trên quyền sử dụng đất tại thửa 89 tờ bản đồ số 43 bản đồ địa chính xã LN và vật dụng gia đình theo đúng Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án và Chứng thư thẩm định giá của Công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Nai.

Ông đồng ý chia đôi tài sản là các công trình xây dựng, cây trồng trên đất, vật dụng gia đình theo hướng được nhận toàn bộ hiện vật và đồng ý thanh toán $\frac{1}{2}$ tổng trị giá tài sản cho bà Th.

Đối với quyền sử dụng đất diện tích 1.904m² tại thửa 89 tờ bản đồ số 43 bản đồ địa chính xã LN: Do tài sản trên do ông tạo lập trước thời kỳ hôn nhân, không phải là tài sản chung của vợ chồng nên ông không đồng ý chia cho bà Th.

Đối với kết quả thẩm định giá theo Chứng thư thẩm định giá số 2376/TĐG-CT ngày 05/7/2021 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Nai thì ông đồng ý.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn bà Trần Thị Anh Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Hữu T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1998 và đến ngày 06/4/2011 được Ủy ban nhân dân xã LN cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Do đó trong cuộc sống chung hay xảy ra cãi vã, căng thẳng, xô xát với nhau. Năm 2020, bà có khởi kiện ly hôn với ông T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Định Quán giải quyết nhưng do chưa thỏa thuận được về tài sản nên sau đó bà rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, từ khi rút đơn đến nay, tình hình không được cải thiện và vợ chồng mỗi người có cuộc sống riêng. Nay ông T yêu cầu ly hôn, nghĩ cuộc sống chung vợ chồng không còn hạnh phúc nên bà đồng ý ly hôn.

Về con chung: Bà và ông T có 01 con chung là Nguyễn Trần Bảo U – sinh ngày: 02/12/1999.

Hiện nay, con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết vấn đề nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà và ông T có các tài sản chung sau: Quyền sử dụng đất diện tích 1.904m² và các công trình xây dựng, cây trồng trên đất tại thửa 89 tờ bản đồ số 43 bản đồ địa chính xã LN, các vật dụng gia đình.

Khi ly hôn, bà yêu cầu chia đôi tài sản theo phương thức chia bằng hiện vật theo hướng bà yêu cầu nhận diện tích đất 973m² theo các mốc 3,4,5,6 tại Trích lục và đo tách thửa đất bản đồ địa chính số 2402/2021 ngày 11/5/2021 của

Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – chi nhánh Định Quán, các công trình xây dựng, cây trồng trên phần đất trên theo Biên bản ghi nhận hiện trạng tài sản tranh chấp ngày 11/01/2022 của Tòa án. Bà đồng ý giao diện tích đất còn lại, các công trình xây dựng, cây trồng trên phần đất còn lại và toàn bộ vật dụng gia đình cho ông T. Ông T phải thanh toán giá trị tài sản chênh lệch cho bà.

Đối với kết quả thẩm định giá theo Chứng thư thẩm định giá số 2376/TĐG-CT ngày 05/7/2021 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Nai thì bà đồng ý.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T đã giao nộp những tài liệu, chứng cứ sau: CMND của ông T (bản sao); Sổ hộ khẩu của ông T và bà Th (bản sao); Trích lục kết hôn (bản sao); Giấy khai sinh của con chung (bản sao); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản sao); Bản giải trình ngày 20/01/2021 của ông T (bản chính); Đơn đề nghị ngày 20/01/2021 của ông T (bản chính); Bản tự khai ngày 02/4/2021 của ông T (bản chính); Đơn khiếu nại ngày 22/10/2021 của ông T (bản chính); Hợp đồng nhận cọc mua bán ngày 07/6/1993 (photo). Bị đơn bà Trần Thị Anh Th đã giao nộp những tài liệu, chứng cứ sau: CMND của bà Th (photo); Bản tự khai của bà Th (bản chính); Đơn trình bày ý kiến ngày 31/3/2021 của bà Th (bản chính). Để giải quyết vụ án, Tòa án đã thu thập những tài liệu, chứng cứ sau: Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và chứng kiến việc đo đạc, thẩm định giá tài sản ngày 15/4/2021; Chứng thư thẩm định giá số 2376/TĐG-CT ngày 05/7/2021 của Công ty thẩm định giá Đồng Nai; Trích lục và đo tách thửa đất bản đồ địa chính số 2402/2021 ngày 11/5/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – chi nhánh Định Quán; Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 21/10/2021 đối với ông Nguyễn Hữu T; Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 21/10/2021 đối với bà Trần Thị Anh Th; Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (gồm Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, Quyết định công nhận quyền sử dụng đất, Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Hồ sơ kỹ thuật thửa đất (bản sao lục)); Văn bản số 258VPĐK-CNĐQ ngày 10/11/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – chi nhánh Định Quán; Văn bản số 4524/UBND-NC ngày 17/11/2021 của UBND huyện Định Quán; Văn bản số 4988/UBND ngày 14/12/2021 của UBND huyện Định Quán; Biên bản ghi nhận hiện trạng tài sản tranh chấp ngày 11/01/2022; Biên bản xác minh ngày 18/01/2022.

Các tài liệu, chứng cứ nêu trên đã được Tòa án ra thông báo cho các bên đương sự biết đồng thời tiến hành mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xét vợ chồng ông T và bà Th đã xảy ra mâu thuẫn, không hòa giải đoàn tụ được. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại

phiên tòa, ông T và bà Th đã tự nguyện thuận tình ly hôn. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Hữu T và bà Trần Thị Anh Th.

+ Về con chung: Ông T và bà Th có 01 con chung là Nguyễn Trần Bảo U – sinh ngày: 02/12/1999.

Hiện nay, con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên ông bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết vấn đề nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về tài sản chung: Qua các tài liệu, chứng cứ thu thập được có đủ cơ sở xác định tài sản chung của ông T và bà Th gồm: Quyền sử dụng đất diện tích 1.904m², công trình xây dựng, cây trồng trên đất tọa lạc tại thửa 89 tờ bản đồ số 43 bản đồ địa chính xã LN và các vật dụng gia đình.

Đề nghị Hội đồng xét xử chia đôi các tài sản chung nêu trên cho ông T và bà Th.

+ Về nợ chung: Ông T và bà Th kê khai không có, không yêu cầu giải quyết. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về chi phí tố tụng: Đề nghị buộc ông T và bà Th phải chịu chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Về án phí: Đề nghị buộc ông T và bà Th phải chịu án phí DSST về ly hôn và về tài sản theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết về tài sản đối với bị đơn bà Trần Thị Anh Th. Bà Th đang cư trú tại huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về tài sản khi ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung: Ông T và bà Th kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LN vào ngày 06/4/2011. Nay ông T yêu cầu ly hôn, tranh chấp về tài sản khi ly hôn với bà Th thì căn cứ vào Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án áp dụng các Điều 11, 27, 85, 90, 95, 97, 98 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Nghị quyết 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để giải quyết.

[3]. Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà Th tự nguyện sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LN vào ngày 06/4/2011. Như vậy hôn nhân của ông bà là hợp pháp theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Quá trình chung sống vợ chồng ông bà sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Do đó, cuộc sống chung xảy ra cãi vã, xô xát nhau. Nay ông T yêu cầu ly hôn thì bà Th đồng ý.

Xét thấy ông T và bà Th thực sự tự nguyện ly hôn nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 90 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 công nhận thuận tình ly hôn của ông T và bà Th.

[3.2]. Về con chung: Ông T và bà Th có 01 con chung là Nguyễn Trần Bảo U – sinh ngày: 02/12/1999.

Hiện nay, con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên ông T và bà Th không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết vấn đề nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3]. Về tài sản chung:

[3.3.1]. Về tài sản tranh chấp:

- Về quyền sử dụng đất: Diện tích 1.904m² tại thửa 89 tờ bản đồ số 43 bản đồ địa chính xã LN, tọa lạc tại ấp 1, xã LN, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 471267 do Ủy ban nhân dân huyện Định Quán cấp ngày 30/6/2006 cho ông Nguyễn Hữu T và bà Trần Thị Anh Th.

Tại đơn khởi kiện, ông T xác định quyền sử dụng đất nêu trên là tài sản chung và yêu cầu chia. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T xác định tài sản trên do ông tạo lập trước thời kỳ hôn nhân, không phải là tài sản chung của vợ chồng. Bà Th xác định quyền sử dụng đất nêu trên có nguồn gốc là tài sản riêng của ông T nhưng ông T đã tự nguyện nhập vào khối tài sản chung của vợ chồng.

Xét thấy: Các đương sự đều thừa nhận quyền sử dụng đất trên có nguồn gốc là tài sản riêng của ông T. Ngày 21/9/2003, ông T cũng không có ý thức đề tài sản trên ngoài khối tài sản chung của ông và bà Th nên khi đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận đã cùng ghi tên cả ông T và bà Th để Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chung cho cả ông bà. Sau khi Ủy ban nhân dân huyện Định Quán cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông T và bà Th nhưng ông T không có ý kiến gì. Điều này thể hiện ông T đã đồng ý nhập tài sản riêng vào khối tài sản chung của ông T và bà Th. Căn cứ vào Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, xác định quyền sử dụng đất diện tích 1.904m² tại thửa 89 tờ bản đồ số 43 bản đồ địa chính xã LN là tài sản chung của ông T và bà Th. Vì vậy yêu cầu chia tài sản chung trên của ông T và ý kiến của bà Th sẽ được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Công trình xây dựng, cây trồng trên đất, vật dụng gia đình: Ông T và bà Th thống nhất xác định các công trình xây dựng, cây trồng trên đất, vật dụng gia đình theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và chứng kiến việc đo đạc, thẩm định giá tài sản ngày 15/4/2021; Chứng thư thẩm định giá số 2376/TĐG-CT ngày 05/7/2021 của Công ty thẩm định giá Đồng Nai; Biên bản ghi nhận hiện trạng tài sản tranh chấp ngày 11/01/2022 là tài sản chung của vợ chồng ông bà. Căn cứ vào Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tình tiết, sự kiện không

phải chứng minh. Do đó, có đủ cơ sở kết luận các công trình xây dựng, cây trồng trên đất và vật dụng gia đình là tài sản chung của ông T và bà Th. Vì vậy yêu cầu chia tài sản chung trên của ông T và ý kiến của bà Th sẽ được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3.3.2]. Về yêu cầu chia tài sản:

- Về quyền sử dụng đất: Bà Th yêu cầu chia theo hiện vật. Căn cứ vào khoản 3 Điều 1, điểm b khoản 1 Điều 3 Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai quy định về diện tích tối thiểu được tách thửa đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai thì quyền sử dụng đất đủ điều kiện tách thửa nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu chia theo hiện vật của bà Th.

Tuy nhiên, cũng xem xét nguồn gốc diện tích đất trên là tài sản riêng của ông T, sau đó ông T mới nhập vào khối tài sản chung của ông T và bà Th. Do đó, cần xem xét công sức đóng góp trong việc tạo lập tài sản của ông T nhiều hơn của bà Th trong khối tài sản chung này. Chia phần ông T 55% giá trị quyền sử dụng đất, bà Th 45% giá trị quyền sử dụng đất.

- Về công trình xây dựng và cây trồng trên đất: Ông T và bà Th đồng ý xác nhận các công trình xây dựng và cây trồng trên đất là tài sản chung của vợ chồng và đồng ý chia đôi tài sản nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Do đã chia quyền sử dụng đất nên bên nhận đất sẽ nhận phần công trình xây dựng và cây trồng trên đất tương ứng với phần đất được nhận.

- Về vật dụng gia đình: Ông T và bà Th đồng ý xác nhận các vật dụng gia đình là tài sản chung của vợ chồng và thống nhất giao toàn bộ vật dụng gia đình cho ông T sở hữu, ông T đồng ý thanh toán lại $\frac{1}{2}$ tổng giá trị tài sản được chia cho bà Th. Xét sự thỏa thuận là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Như vậy, tổng cộng ông T được chia phần tài sản gồm: Quyền sử dụng đất ($55\% \times 2.886.000.000đ = 1.587.300.000đ$) + công trình xây dựng ($396.246.600đ : 2 = 198.123.300đ$) + vật dụng gia đình ($30.650.000đ : 2 = 15.325.000đ$) + cây trồng ($25.518.000đ : 2 = 12.759.000đ$) = 1.813.507.300đ.

Bà Th được chia phần tài sản gồm: Quyền sử dụng đất ($45\% \times 2.886.000.000đ = 1.298.700.000đ$) + công trình xây dựng ($396.246.600đ : 2 = 198.123.300đ$) + vật dụng gia đình ($30.650.000đ : 2 = 15.325.000đ$) + cây trồng ($25.518.000đ : 2 = 12.759.000đ$) = 1.524.907.300đ.

[3.3.3]. Chia tài sản cụ thể:

[3.3.3.1]. Giao cho ông T được quyền quản lý, sử dụng và sở hữu các tài sản sau:

- Về quyền sử dụng đất: Diện tích đất 931m² theo các mốc 1,2,3,6 tại Trích lục và đo tách thửa đất bản đồ địa chính số 2402/2021 ngày 11/5/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – chi nhánh Định Quán với trị giá là 1.413.000.000đ.

- Về công trình xây dựng:

+ 01 nhà ở gia đình diện tích 88m² kết cấu móng, cột gạch; tường gạch tô trát, sơn nước, nền gạch Ceramic; cửa đi, cửa sổ sắt kính, xà gồ sắt và xà gồ gỗ, mái tôn; Khu bếp: Thành bếp xây gạch, đan kệ bê tông cốt thép ốp gạch ceramic, cửa tủ kính; Khu vệ sinh: Cửa nhựa, xí xôm, tường ốp gạch ceramic cao khoảng 1,3m, nền lát gạch ceramic nhám. Trị giá 198.000.000đ.

+ 01 khu chuồng chăn nuôi diện tích 79,68m² kết cấu móng, cột gạch; xà gồ gỗ, mái tôn; nền xi măng; tường gạch không tô trát, lưới B40. Trị giá $79,68\text{m}^2 \times 1.600.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 70\% = 89.241.600\text{đ}$.

+ Mái che diện tích 348m² cột sắt tròn $\phi 60\text{mm}$ (2 cột) phần còn lại gác vào mái nhà ở gia đình; nền xi măng; xà gồ sắt, mái tôn. Trị giá 13.050.000đ.

+ Cổng và tường rào phía trước dài 11,2m gồm 01 trụ cổng đá chẻ (45x45), 02 trụ tường đá chẻ (40x45), cao khoảng 2,2m; tường xây đá chẻ cao khoảng 70cm, phía trên hàng rào sắt hộp cao khoảng 1,5m, cổng sắt kéo. Trị giá $11,2\text{m} \times 700.000\text{đ}/\text{m} \times 80\% = 6.272.000\text{đ}$.

+ 01 hồ cá hòn non bộ kết cấu thành hồ xây gạch cao 60cm, mặt ngoài ốp đá, mặt trong ốp gạch ceramic; trang trí đá và gỗ tạp; diện tích mặt hồ khoảng 4,5m². Trị giá 2.240.000đ.

Tổng trị giá: 308.803.600đ.

- Vật dụng gia đình:

+ 02 cá sấu trang trí, đặc điểm cá sấu con tách nội tạng, phơi khô; kích thước bao dài 70cm, rộng 20cm.

+ 01 Tivi nhãn hiệu LG, loại Ultra slim; kích thước màn hình 19inch, màn hình phẳng.

+ 01 Tivi nhãn hiệu Sony, loại Triniton; kích thước màn hình 19inch, màn hình phẳng.

+ 01 Tủ tivi gỗ ép, kính, 05 hộc tủ, 1 kệ để tivi, 1 hộc để dàn âm thanh, cao khoảng 2m, bề ngang 2m, rộng 50cm.

+ 01 kệ gỗ gồm 5 ô để đồ, kích thước (1,3m x 0,8 m x 0,3m) ngang x cao x rộng.

+ 01 bếp ga loại bếp nổi, 2 bếp nhãn hiệu Ikura, Model VCL -908.

+ 01 tủ lạnh nhãn hiệu Hitachi, trọng lượng 44kg, dung tích 164L, loại cửa 2 ngăn (1 ngăn đông, 1 ngăn mát).

+ 01 bộ bàn ăn mặt bàn tròn, đường kính 0,9m, sơn phủ PU, chân bàn cao 0,7m, khoảng cách chân bàn 50cm, 06 ghế gỗ.

+ 01 bộ bàn ghế salon, loại gỗ trầm bông vàng, 03 ghế nhỏ, cao 90cm, chân ghế cao 30cm, tay ghế dài 60cm, lưng ghế rộng 60cm, 1 ghế dài cao 90cm, chân ghế cao 30cm, tay ghế dài 60cm, ghế rộng 1,1m, 2 đôn cao 20cm, mặt đôn 40cmx40cm, 1 bàn dài 1,2m, rộng 0,6m cao 0,5m.

+ 01 dàn âm thanh, 1 đầu DVD Ariang, 1 ampli Nano max model DH-9600x, 2 loa lớn Subwoofer, 2 màng loa treble, 1 màng loa bass.

+ 01 giường ngủ, loại gỗ trầm bông vàng, kích thước (1,6mx2m) cao 4,5cm, thành giường cao 1m, nệm lò xo, 1 bộ khung màn chống côn trùng.

+ 01 bồn nước, vật liệu: nhựa, thể tích 1000L, ống xả, van khóa nhựa

+ 01 máy giặt nhãn hiệu Sanyo, kiểu máy ASW-F60HT.

+ 01 xe máy 1 nhãn hiệu Espero, loại 50SI, năm sản xuất 2016, dung tích xi lanh 495cm³, khối lượng bản thân 90kg, xuất xứ Việt Nam, biển kiểm soát 60AD-042.32, số máy 139FMB103233, số khung B2PEGA103233.

+ 01 xe máy 2 nhãn hiệu Damsan, năm sản xuất 2007, dung tích xi lanh 107cm³, xuất xứ Việt Nam, biển kiểm soát 60N9-6217, số máy 00147156, số khung 147156.

+ 01 bàn gỗ kích thước mặt bàn (1,6mx0,8m) chân bàn cao 0,8m.

+ 01 tủ quần áo chất liệu sắt, kích thước cao 1,8m, bề ngang 0,8m, rộng 0,5m.

+ 01 bộ bàn ghế tre, 05 ghế xếp bằng tre cao 1m lưng ghế rộng 05m, 1 bàn 6 cạnh cao 0,7m.

+ 01 bộ bàn ghế đá 1, 8 ghế làm bằng đá chẻ, 1 bàn đá tròn.

+ 01 bộ bàn ghế đá 2, 3 ghế làm bằng đá chẻ, 1 bàn đá.

Tổng trị giá: 30.650.000đ.

- Cây trồng trên đất:

+ 06 cây xoan đào, đường kính gốc trung bình 30cm, cao trung bình khoảng 6m. Trị giá 3.600.000đ.

+ 02 cây tràm bông vàng, đường kính gốc trung bình 15cm, cao trung bình khoảng 6m. Trị giá 100.000đ.

+ 01 cây sa kê đường kính gốc 15cm, cao khoảng 4,5m. Trị giá 172.000đ.

+ 09 cây cau đường kính gốc trung bình 25cm, cao trung bình khoảng 4m. Trị giá 1.404.000đ.

+ 09 cây hoàng nam đường kính gốc trung bình 10cm, cao trung bình khoảng 3m. Trị giá 1.404.000đ.

+ 10 cây mai cao trung bình khoảng 1,5m. Trị giá 780.000đ.

Tổng trị giá: 7.460.000đ.

Tổng trị giá tài sản ông T được nhận là 1.466.660.000đ.

[3.3.2.2]. Giao cho bà Th được quyền quản lý, sử dụng và sở hữu các tài sản sau:

- Quyền sử dụng đất: Diện tích đất 973m² theo các mốc 3,4,5,6 tại Trích lục và đo tách thửa đất bản đồ địa chính số 2402/2021 ngày 11/5/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – chi nhánh Định Quán.

- Công trình xây dựng:

+ 01 nhà chòi diện tích 17m² kết cấu móng đá chẻ; tường bao xây gạch, bên ngoài ốp đá chẻ, bên trong sơn nước, nền gạch ceramic; bậc thang xây gạch; xà gỗ sắt, mái ngói.

+ 01 Chuồng nuôi chim kết cấu cột sắt chống ở giữa, khung lồng bằng sắt bọc lưới sắt, mái tôn.

+ 01 khu chuồng chăn nuôi diện tích 10,4m² kết cấu móng, cột gạch; xà gỗ, mái tôn; nền xi măng; tường gạch không tô trát, lưới B40.

+ Hàng rào dài 80,5m gồm 01 trụ đá chẻ (40x40) cao 1,5m; 23 trụ bê tông đúc sẵn (10x10) cao khoảng 15m rào lưới B40; 29 trụ bê tông đúc sẵn (10x10) cao khoảng 15m.

+ Cổng và tường rào phía trước dài 11,2m gồm 01 trụ cổng đá chẻ (45x45), 02 trụ tường đá chẻ (40x45), cao khoảng 2,2m; tường xây đá chẻ cao khoảng 70cm, phía trên hàng rào sắt hộp cao khoảng 1,5m, cổng sắt kéo.

+ 01 nhà vệ sinh gồm: Nhà vệ sinh diện tích 6,48m² kết cấu móng, cột gạch; tường gạch dày 100mm, không tô trát, xà gồ gỗ, mái tôn; nền xi măng; Bể nước xây gạch, lán vữa chống thấm, bên ngoài tô trát xi măng, thể tích khoảng 4m³, kích thước bao ngoài dài 04m, rộng 1,2m, cao 1m; 01 ống Pi bê tông.

- Cây trồng:

+ 09 cây xoài Đài Loan đỏ, cao trung bình khoảng 4m, đường kính gốc trung bình 15cm.

+ 10 cây xoài 3 mùa, cao trung bình khoảng 5m, đường kính gốc trung bình 25cm.

+ 01 cây mận, cây còn nhỏ, đường kính gốc 5cm, cao khoảng 2m.

+ 01 cây hoa nhài, cao khoảng 1m.

+ 02 cây cóc đường kính gốc trung bình 10cm, cao trung bình khoảng 1,6m.

+ 03 cây sanh đường kính gốc trung bình 40cm, cao trung bình khoảng 2,5m.

+ 02 cây mít đường kính gốc trung bình 25cm, cao trung bình khoảng 5m.

+ 01 cây nguyệt quế cao khoảng 1,8m.

+ 06 cây cau đường kính gốc trung bình 25cm, cao trung bình khoảng 4m.

+ 01 cây sứ cao trung bình khoảng 2m.

+ 01 cây dừa đường kính gốc 25cm, cao khoảng 12m.

+ 11 cây hoàng nam đường kính gốc trung bình 10cm, cao trung bình khoảng 3m.

+ 26 cây trúc cao trung bình khoảng 3m.

+ 06 cây ngô đồng đường kính trung bình 5cm, cao trung bình khoảng 1,5m.

+ 07 cây mai cao trung bình khoảng 1,5m.

+ 03 cây phát tài, cao trung bình khoảng 3m, đường kính gốc trung bình 8cm.

+ 01 cây xoài Thái, cao khoảng 6m, đường kính gốc 25cm.

+ 01 cây xoài Đài Loan xanh, cao khoảng 6m, đường kính gốc 20cm.

Tổng giá trị tài sản bà Th được nhận là 3.338.414.600đ - 1.466.660.000đ = 1.871.754.600đ.

Do trị giá tài sản tài sản được nhận cao hơn phần trị giá tài sản được chia nên buộc bà Th có nghĩa vụ hoàn trả cho ông T giá trị chênh lệch tài sản chung với số tiền 1.871.754.600đ - 1.524.907.300đ = 346.847.300đ (làm tròn là 346.847.000đ).

[3.4]. Về nợ chung: Ông T và bà Th kê khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về chi phí tố tụng:

Chi phí tố tụng gồm có: Chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.880.000đ (số tiền trên ông T đã nộp); Chi phí thẩm định giá là 28.454.000đ (số tiền trên bà Th đã nộp). Tổng cộng là 31.334.000đ.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự thì các đương sự phải chịu phần chi phí tố tụng tương ứng với tỷ lệ giá trị phần tài sản được chia. Cụ thể: Ông T được chia 54,32% (1.813.507.300đ/3.338.414.600đ) giá trị tài sản nên phải chịu chi phí tố tụng là 31.334.000đ x 54,32% = 17.020.000đ. Bà Th được chia 45,68% giá trị tài sản nên phải chịu chi phí tố tụng là 31.334.000đ x 45,68% = 14.314.000đ. Do đó, buộc ông T phải thanh toán lại cho bà Th số tiền là 14.140.000đ.

[5]. Về án phí:

Theo quy định tại các khoản 2, 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, các điểm a, b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì các đương sự phải chịu án phí như sau:

- Ông Nguyễn Hữu T phải chịu 300.000đ án phí DSST về ly hôn và 66.405.000đ (36.000.000đ + (3% x (1.813.507.300đ – 800.000.000đ))) án phí DSST có giá ngạch về yêu cầu chia tài sản chung.

- Bà Trần Thị Anh Th phải chịu 57.747.000đ (36.000.000đ + (3% x (1.524.907.300đ – 800.000.000đ))) án phí DSST có giá ngạch về yêu cầu chia tài sản chung.

[6]. Xét quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các khoản 2, 4 Điều 147, khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 165, Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 11, 27, 85, 90, 95, 97, 98 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Các Điều 51, 55, 59, 62, 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Điểm a khoản 1 Điều 24; các điểm a, b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Hữu T và bà Trần Thị Anh Th.

2. Về con chung: Ông T và bà Th có 01 con chung là Nguyễn Trần Bảo U – sinh ngày: 02/12/1999.

Hiện nay, con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên ông T và bà Th không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết vấn đề nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung:

Giao cho ông Nguyễn Hữu T được quyền quản lý, sử dụng và sở hữu các tài sản sau:

- Quyền sử dụng đất diện tích 931m² theo các mốc 1,2,3,6 tại Trích lục và đo tách thửa đất bản đồ địa chính số 2402/2021 ngày 11/5/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – chi nhánh Định Quán.

- Công trình xây dựng trên đất:

- + 01 nhà ở gia đình diện tích 88m² kết cấu móng, cột gạch; tường gạch tô trát, sơn nước, nền gạch Ceramic; cửa đi, cửa sổ sắt kính, xà gồ sắt và xà gồ gỗ, mái tôn; Khu bếp: Thành bếp xây gạch, đan kê bê tông cốt thép ốp gạch ceramic, cửa tủ kính; Khu vệ sinh: Cửa nhựa, xí xôm, tường ốp gạch ceramic cao khoảng 1,3m, nền lát gạch ceramic nhám.

- + 01 khu chuồng chăn nuôi diện tích 79,68m² kết cấu móng, cột gạch; xà gồ gỗ, mái tôn; nền xi măng; tường gạch không tô trát, lưới B40.

- + Mái che diện tích 348m² cột sắt tròn ø60mm (2 cột) phần còn lại gác vào mái nhà ở gia đình; nền xi măng; xà gồ sắt, mái tôn. Trị giá 13.050.000đ.

- + Cổng và tường rào phía trước dài 11,2m gồm 01 trụ cổng đá chẻ (45x45), 02 trụ tường đá chẻ (40x45), cao khoảng 2,2m; tường xây đá chẻ cao khoảng 70cm, phía trên hàng rào sắt hộp cao khoảng 1,5m, cổng sắt kéo.

- + 01 hồ cá hòn non bộ kết cấu thành hồ xây gạch cao 60cm, mặt ngoài ốp đá, mặt trong ốp gạch ceramic; trang trí đá và gỗ tạp; diện tích mặt hồ khoảng 4,5m².

- Cây trồng trên đất:

- + 06 cây xoan đào, đường kính gốc trung bình 30cm, cao trung bình khoảng 6m.

- + 02 cây tràm bông vàng, đường kính gốc trung bình 15cm, cao trung bình khoảng 6m.

- + 01 cây sa kê đường kính gốc 15cm, cao khoảng 4,5m.

- + 09 cây cau đường kính gốc trung bình 25cm, cao trung bình khoảng 4m.

- + 09 cây hoàng nam đường kính gốc trung bình 10cm, cao trung bình khoảng 3m.

- + 10 cây mai cao trung bình khoảng 1,5m.

- Vật dụng gia đình:

- + 02 cá sấu trang trí, đặc điểm cá sấu con tách nội tạng, phơi khô; kích thước bao dài 70cm, rộng 20cm.

- + 01 Tivi nhãn hiệu LG, loại Ultra slim; kích thước màn hình 19inch, màn hình phẳng.

- + 01 Tivi nhãn hiệu Sony, loại Triniton; kích thước màn hình 19inch, màn hình phẳng.

- + 01 Tủ tivi gỗ ép, kính, 05 hộc tủ, 1 kệ để tivi, 1 hộc để dàn âm thanh, cao khoảng 2m, bề ngang 2m, rộng 50cm.

- + 01 kệ gỗ gồm 5 ô để đồ, kích thước (1,3m x 0,8 m x 0,3m) ngang x cao x rộng.
- + 01 bếp ga loại bếp nổi, 2 bếp nhãn hiệu Ikura, Model VCL -908.
- + 01 tủ lạnh nhãn hiệu Hitachi, trọng lượng 44kg, dung tích 164L, loại cửa 2 ngăn (1 ngăn đông, 1 ngăn mát).
- + 01 bộ bàn ăn mặt bàn tròn, đường kính 0,9m, sơn phủ PU, chân bàn cao 0,7m, khoảng cách chân bàn 50cm, 06 ghế gỗ.
- + 01 bộ bàn ghế salon, loại gỗ trầm bông vàng, 03 ghế nhỏ, cao 90cm, chân ghế cao 30cm, tay ghế dài 60cm, lưng ghế rộng 60cm, 1 ghế dài cao 90cm, chân ghế cao 30cm, tay ghế dài 60cm, ghế rộng 1,1m, 2 đôn cao 20cm, mặt đôn 40cmx40cm, 1 bàn dài 1,2m, rộng 0,6m cao 0,5m.
- + 01 dàn âm thanh, 1 đầu DVD Ariang, 1 ampli Nano max model DH-9600x, 2 loa lớn Subwoofer, 2 màng loa treble, 1 màng loa bass.
- + 01 giường ngủ, loại gỗ trầm bông vàng, kích thước (1,6mx2m) cao 4,5cm, thành giường cao 1m, nệm lò xo, 1 bộ khung màn chống côn trùng.
- + 01 bồn nước, vật liệu: nhựa, thể tích 1000L, ống xả, van khóa nhựa
- + 01 máy giặt nhãn hiệu Sanyo, kiểu máy ASW-F60HT.
- + 01 xe máy 1 nhãn hiệu Espero, loại 50SI, năm sản xuất 2016, dung tích xi lanh 495cm³, khối lượng bản thân 90kg, xuất xứ Việt Nam, biển kiểm soát 60AD-042.32, số máy 139FMB103233, số khung B2PEGA103233.
- + 01 xe máy 2 nhãn hiệu Damsan, năm sản xuất 2007, dung tích xi lanh 107cm³, xuất xứ Việt Nam, biển kiểm soát 60N9-6217, số máy 00147156, số khung 147156.
- + 01 bàn gỗ kích thước mặt bàn (1,6mx0,8m) chân bàn cao 0,8m.
- + 01 tủ quần áo chất liệu sắt, kích thước cao 1,8m, bề ngang 0,8m, rộng 0,5m.
- + 01 bộ bàn ghế tre, 05 ghế xếp bằng tre cao 1m lưng ghế rộng 0,5m, 1 bàn 6 cạnh cao 0,7m.
- + 01 bộ bàn ghế đá 1, 8 ghế làm bằng đá chẻ, 1 bàn đá tròn.
- + 01 bộ bàn ghế đá 2, 3 ghế làm bằng đá chẻ, 1 bàn đá.

Giao cho bà Trần Thị Anh Th được quyền quản lý, sử dụng và sở hữu các tài sản sau:

- Quyền sử dụng đất diện tích 973m² theo các mốc 3,4,5,6 tại Trích lục và đo tách thửa đất bản đồ địa chính số 2402/2021 ngày 11/5/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – chi nhánh Định Quán.

- Công trình xây dựng trên đất:

+ 01 nhà chòi diện tích 17m² kết cấu móng đá chẻ; tường bao xây gạch, bên ngoài ốp đá chẻ, bên trong sơn nước, nền gạch ceramic; bậc thang xây gạch; xà gồ sắt, mái ngói.

+ 01 Chuồng nuôi chim kết cấu cột sắt chống ở giữa, khung lồng bằng sắt bọc lưới sắt, mái tôn.

+ 01 khu chuồng chăn nuôi diện tích 10,4m² kết cấu móng, cột gạch; xà gồ gỗ, mái tôn; nền xi măng; tường gạch không tô trát, lưới B40.

+ Hàng rào dài 80,5m gồm 01 trụ đá chẻ (40x40) cao 1,5m; 23 trụ bê tông đúc sẵn (10x10) cao khoảng 15m rào lưới B40; 29 trụ bê tông đúc sẵn (10x10) cao khoảng 15m.

+ Cổng và tường rào phía trước dài 11,2m gồm 01 trụ cổng đá chẻ (45x45), 02 trụ tường đá chẻ (40x45), cao khoảng 2,2m; tường xây đá chẻ cao khoảng 70cm, phía trên hàng rào sắt hộp cao khoảng 1,5m, cổng sắt kéo.

+ 01 nhà vệ sinh gồm: Nhà vệ sinh diện tích 6,48m² kết cấu móng, cột gạch; tường gạch dày 100mm, không tô trát, xà gồ gỗ, mái tôn; nền xi măng; Bể nước xây gạch, lán vữa chống thấm, bên ngoài tô trát xi măng, thể tích khoảng 4m³, kích thước bao ngoài dài 04m, rộng 1,2m, cao 1m; 01 ống Pi bê tông.

- Cây trồng trên đất:

+ 09 cây xoài Đài Loan đỏ, cao trung bình khoảng 4m, đường kính gốc trung bình 15cm.

+ 10 cây xoài 3 mùa, cao trung bình khoảng 5m, đường kính gốc trung bình 25cm.

+ 01 cây mận, cây còn nhỏ, đường kính gốc 5cm, cao khoảng 2m.

+ 01 cây hoa nhài, cao khoảng 1m.

+ 02 cây cóc đường kính gốc trung bình 10cm, cao trung bình khoảng 1,6m.

+ 03 cây sanh đường kính gốc trung bình 40cm, cao trung bình khoảng 2,5m.

+ 02 cây mít đường kính gốc trung bình 25cm, cao trung bình khoảng 5m.

+ 01 cây nguyệt quế cao khoảng 1,8m.

+ 06 cây cau đường kính gốc trung bình 25cm, cao trung bình khoảng 4m.

+ 01 cây sứ cao trung bình khoảng 2m.

+ 01 cây dừa đường kính gốc 25cm, cao khoảng 12m.

+ 11 cây hoàng nam đường kính gốc trung bình 10cm, cao trung bình khoảng 3m.

+ 26 cây trúc cao trung bình khoảng 3m.

+ 06 cây ngô đồng đường kính trung bình 5cm, cao trung bình khoảng 1,5m.

+ 07 cây mai cao trung bình khoảng 1,5m.

+ 03 cây phát tài, cao trung bình khoảng 3m, đường kính gốc trung bình 8cm.

+ 01 cây xoài Thái, cao khoảng 6m, đường kính gốc 25cm.

+ 01 cây xoài Đài Loan xanh, cao khoảng 6m, đường kính gốc 20cm.

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để kê khai, đăng ký biến động đối với phần đất được chia theo quy định của pháp luật.

Buộc bà Trần Thị Anh Th có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Nguyễn Hữu T giá trị chênh lệch tài sản chung với số tiền 346.847.000đ (Ba trăm bốn mươi sáu triệu tám trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).

4. Về nợ chung: Ông T và bà Th kê khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

5. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Hữu T phải chịu chi phí tố tụng là 17.020.000đ (Mười bảy triệu không trăm hai mươi nghìn đồng). Bà Trần Thị Anh Th phải chịu chi phí tố tụng là 14.314.000đ (Mười bốn triệu ba trăm mười bốn nghìn đồng).

Buộc ông Nguyễn Hữu T phải thanh toán lại cho bà Trần Thị Anh Th số tiền là 14.140.000đ (Mười bốn triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

6. Về án phí:

Ông Nguyễn Hữu T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST về ly hôn và 66.405.000đ (Sáu mươi sáu triệu bốn trăm lẻ năm nghìn đồng) án phí DSST có giá ngạch về yêu cầu chia tài sản chung, tổng cộng là 66.705.000đ (Sáu mươi sáu triệu bảy trăm lẻ năm nghìn đồng). Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) và 6.250.000đ (Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) ông T đã nộp tạm ứng án phí tại các biên lai thu số 0005778, 0005779 ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí. Ông T còn phải nộp tiếp số tiền 60.155.000đ (Sáu mươi triệu một trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Bà Trần Thị Anh Th phải chịu 57.747.000đ (Năm mươi bảy triệu bảy trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) án phí DSST có giá ngạch về yêu cầu chia tài sản chung.

7. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

8. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Định Quán;
- Chi cục THADS huyện Định Quán;
- Lưu HS – LT.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Văn Lợi